

Bản án số: 282/2023/HS-PT

Ngày 18 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 184/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2023/HS-ST ngày 16-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn T, sinh năm 1973 tại Ninh Bình; Căn cước công dân số: 0370730033XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ W, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Kh (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, có vợ tên Hứa Thị H và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 127/2023/LCĐKNCT ngày 16-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 18 giờ 10 phút ngày 25-5-2021, Lê Văn T có giấy phép lái xe ô tô theo quy định, điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 43C-210.XX kéo theo rơmoóc biển số 43R-024.XX lưu thông trên đường liên ấp L, xã Ph, huyện L. Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đầu kéo nêu trên đến ngã ba giao nhau đường liên ấp L với Quốc lộ A (đoạn Km 33+300) thuộc xã Ph, huyện L, T chuyển hướng ra Quốc lộ A theo hướng B đi V thì va chạm với xe mô tô biển số 78K1-230.XX do Võ Văn Th, sinh năm 1998 (cư trú tại: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên) điều khiển, lưu thông trên làn đường số 3, Quốc lộ A theo hướng B đi V. Hậu quả, Võ Văn Th bị thương nặng, được đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện Đa khoa khu vực L.

2. Khám nghiệm - Hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường thẳng, mặt đường trải nhựa phẳng, trong điều kiện thời tiết trời mưa, đường ướt, tình trạng hiện trường còn nguyên vẹn. Lấy mép đường bên phải hướng lưu thông B đi V làm mép đường chuẩn và mép đường bên phải hướng Quốc lộ A đi ấp L trên đường liên ấp L làm mép đường chuẩn. Lấy trụ đèn số T29/13 giữa tim đường Quốc lộ A làm mốc cố định. Tại hiện trường còn để lại các dấu vết, vị trí phương tiện được ghi nhận như sau:

(1) Vết cày xe mô tô biển số 78K1-230.XX sau tai nạn để lại vết cày liên tiếp, đứt quãng dài 17m.80 nằm trên Quốc lộ A. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn Quốc lộ A là 6m70. Đuôi vết cày nằm ở vị trí xe mô tô.

(2) Xe mô tô biển số 78K1-230.XX sau tai nạn ngã về bên phải, đầu xe quay về hướng dải phân cách Quốc lộ A. Trục bánh trước cách mép đường chuẩn Quốc lộ A là 9m40, cách trục bánh sau cùng bên trái xe đầu kéo biển số 43C-210.XX là 1m80. Trục bánh sau cách mép đường chuẩn Quốc lộ A là 8m50, cách trục bánh sau cùng bên trái xe đầu kéo biển số 43C-210.XX là 2m10.

(3) Xe ô tô biển số 43C-210.XX kéo theo rơmoóc biển số 43R-024.XX sau tai nạn xe dừng trên Quốc lộ A, đầu xe quay về hướng dải phân cách đường Quốc lộ A, đuôi xe quay về đường liên ấp L. Trục bánh trước bên trái xe ô tô đầu kéo biển số 43C-210.XX cách mép đường chuẩn Quốc lộ A là 13m00, cách mốc cố định trụ đèn T29/13 là 2m40. Trục bánh sau cùng bên trái xe ô tô đầu

kéo biển số 43C-210.XX cách mép đường chuẩn Quốc lộ A là 8m30. Trục bánh sau cùng bên trái rơmoóc biển số 43R-024.XX cách mép đường chuẩn Quốc lộ A là 2m30, cách mép đường chuẩn liên ấp L là 0m70.

Kết quả khám nghiệm phương tiện phù hợp với hiện trường và các dấu vết để lại trên hiện trường.

3. Giám định:

Tại Bản kết luận giám định số: 3988/C09B ngày 24/9/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Không đủ cơ sở xác định tốc độ xe mô tô biển số 78K1-230.XX tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Tại Bản kết luận giám định số: 3331/C09B ngày 01/7/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Xe ô tô đầu kéo biển số 43C-210.XX kéo theo rơmoóc biển số 43R-024.XX và xe mô tô biển số 78K1-230.XX có va chạm với nhau.

- Dấu vết trượt xước, gãy vỡ bám chất màu đen các chi tiết phía trước xe mô tô biển số 78K1-230.XX (đầu xe, tay lái, đèn chiếu sáng) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước bám chất màu đỏ mặt ngoài bánh ngoài bên trái trục 3 xe ô tô đầu kéo biển số 43C-210.XX kéo theo rơmoóc biển số 43R-024.XX có chiều từ mặt lăn vào tam bánh. Va chạm khi xe mô tô biển số 78K1-230.XX đã ngã phải xuống đường.

- Phía trước xe mô tô biển số 78K1-230.XX và bánh ngoài bên trái trục 3 xe ô tô biển số 43C-210.XX là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

- Khi va chạm, xe ô tô đầu kéo biển số 43C-210.XX kéo theo rơmoóc biển số 43R-024.XX chuyển động từ đường ấp L ra Quốc lộ A hướng đi V, xe mô tô biển số 78K1-230.XX chuyển động trên Quốc lộ A hướng từ B đi V.

- Ngoài các dấu vết trên, không phát hiện dấu vết va chạm giữa xe ô tô đầu kéo biển số 43C-210.XX kéo theo rơmoóc biển số 43R-024.XX và xe mô tô biển số 78K1-230.XX với phương tiện hoặc vật khác.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 174/TT/2021 ngày 10/6/2021 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, kết luận nguyên nhân tử vong của Võ Văn Th:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Đa vị trí tổn thương, đầu mặt, ngực, lưng và tay chân. Đa hình thái tổn thương, sung nề, xây xát, bầm tụ máu, gãy xương, vỡ sọ, chảy máu nội sọ.

- Nguyên nhân chết: Đa chấn thương. Chấn thương sọ não gây vỡ sọ thái dương chằm phải, chảy máu nội sọ. Kết hợp chấn thương gãy xương hàm gò má trái và gãy 1/3 giữa xương cánh tay trái.

- Kết luận khác: Nồng độ cồn trong máu: 164,33 mg/100ml.

4. Vật chứng:

- 01 Giấy phép lái xe số: 3700550032XX hạng FC, do Sở Giao thông Vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-01-2018 cho Lê Văn T (đang lưu trong hồ sơ vụ án).

- Đối với 02 phương tiện cơ giới đường bộ nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L đã trả lại cho chủ sở hữu.

5. Dân sự:

Sau tai nạn, bị cáo Lê Văn T cùng với chủ xe đầu kéo đã thỏa thuận và bồi thường xong cho gia đình bị hại, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

6. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2023/HS-ST ngày 16-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 10 (mười) tháng tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

7. Kháng cáo:

Ngày 21-3-2023, bị cáo Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được hưởng án treo.

8. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới, thể hiện bị cáo là lao động chính, phải nuôi mẹ già, vợ và 03 con, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn và gia đình có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng

cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 15 của Luật Giao thông đường bộ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại theo yêu cầu, được gia đình bị hại làm đơn “bãi nại” và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại điều khiển phương tiện tham gia giao thông không đúng làn đường quy định (làn số 3) và trong máu có nồng độ cồn (164,33mg/100ml) vượt quá mức cho phép, dẫn đến va chạm gây tai nạn giao thông cũng có một phần lỗi của bị hại. Áp dụng cho bị cáo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Kèm theo đơn kháng cáo, bị cáo cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện bị cáo hiện nay không có nhà phải thuê chỗ ở, là lao động chính, phải nuôi dưỡng nhiều người thân phụ thuộc và hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; cha mẹ bị cáo đều tham gia cách mạng và đều được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.3. Về hình phạt:

Cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bị cáo Lê Văn T có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-

HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về vật chứng:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 giấy phép lái xe; tuy nhiên, sau khi xét xử, không chuyển vật chứng này cho cơ quan thi hành án mà lưu vào hồ sơ vụ án là không phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần thiết trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo ngay sau khi tuyên án phúc thẩm.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2023/HS-ST ngày 16-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 10 (mười) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 18-8-2023.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về vật chứng:

Ngay sau khi tuyên án phúc thẩm, trả lại cho bị cáo Lê Văn T bản chính 01 (một) Giấy phép lái xe số: 3700550032XX, hạng FC, do Sở Giao thông Vận tải thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-01-2018.

3. Về án phí:

Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Tòa án nhân dân huyện Long Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai và Công an tỉnh Ninh Bình (2);
- Ủy ban nhân dân và Công an phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành